

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI
THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	7 - 10
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4.4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 28

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600253230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 6 (sáu) lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08 tháng 09 năm 2020 có nội dung chính như sau:

Trụ sở hoạt động : Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : 02516.297.663

Fax : 02513.899.135

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 3 2 3 0

Vốn điều lệ : 1.143.000.000.000 đồng (Một nghìn, một trăm bốn mươi ba tỷ đồng).

Chủ sở hữu là Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Quản lý và khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi: cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi. Xây dựng công trình thủy lợi.
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Bán buôn xe máy.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy. Chi tiết: Bảo dưỡng xe máy.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Bán buôn phụ tùng xe máy.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Bán buôn phụ tùng, vật tư, phụ kiện máy móc ngành nông nghiệp.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi. Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 28).

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2023 của Công ty là quản lý, khai thác, cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Các thành viên của Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Họ và tên:

Bà Tạ Thị Thúy

Ông Nguyễn Đức Kiên

Ông Phạm Văn Vũ

Chức vụ:

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành viên

Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên:

Ông Dương Xuân Sơn

Ông Nguyễn Văn Lương

Ông Lê Xuân Toàn

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm

Chức vụ:

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

KIỂM SOÁT VIÊN

Họ và tên:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết

Chức vụ:

Kiểm soát viên chuyên trách

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Dương Xuân Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH CAF Việt Nam ("CAF Việt Nam") đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dương Xuân Sơn

Giám đốc

Tp. Biên Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH CAF Việt Nam

303 Cityview, 12 Mạc Đĩnh Chi
Đa Kao, quận 1, TP. HCM, Việt Nam

(+84) 28 3911 0125

(+84) 28 3911 0126

www.caf-vietnam.com



Số: 08032024.03/BCTC-CAF

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai ("Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối năm của Công ty. Do cách thức ghi chép, theo dõi và kế toán các khoản này của Công ty, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về khoản mục tiền mặt, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.



Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo Kiểm toán số 019.TC/2023/COM.PT-hcm ngày 01 tháng 03 năm 2023 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến Tiền mặt, Tài sản cố định, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty vì lý do Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê, kiểm quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY TNHH CAF VIỆT NAM



Nguyễn Thanh Mỹ - Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2800-2020-279-1

Huỳnh Huy Cường - Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3117-2020-279-1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.712.680.522	141.028.317.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	50.263.891.365	41.979.298.301
1. Tiền	111		50.263.891.365	41.979.298.301
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.014.349.949	97.935.475.763
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 2	3.261.756.344	2.914.839.680
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 3	67.937.840.374	93.562.725.537
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 4	814.753.231	1.531.828.283
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(73.917.737)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		434.439.208	1.113.543.029
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 5	326.423.475	348.518.132
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 6	108.015.733	765.024.897
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.453.733.390.063	1.311.600.748.896
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.117.119.422.623	1.120.123.632.605
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 7	1.117.119.422.623	1.120.123.632.605
<i>Nguyên giá</i>	222		1.128.372.774.255	1.130.551.075.984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.253.351.632)	(10.427.443.379)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		336.613.967.440	191.477.116.291
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	336.613.967.440	191.477.116.291
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.576.446.070.585	1.452.629.065.989

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.178.727.995	119.547.377.012
I. Nợ ngắn hạn	310		96.903.353.006	112.968.863.392
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 9	9.449.244.454	6.310.367.875
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.127.000	10.075.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 10	414.138.518	9.302.542
4. Phải trả người lao động	314		6.170.641.478	6.598.315.301
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 11	85.239.242	46.046.580
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 12	81.220.740	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 13	74.757.453.395	94.522.514.616
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 14	5.944.288.179	5.472.241.478
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.275.374.989	6.578.513.620
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 15	6.275.374.989	6.578.513.620
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.473.267.342.590	1.333.081.688.977
I. Vốn chủ sở hữu	410	V. 16	1.473.267.342.590	1.333.081.688.977
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.133.827.861.738	1.137.791.166.667
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.288.880.673	5.785.834.578
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.507.554	719.907.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		16.507.554	719.907.441
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		332.134.092.625	188.784.780.291
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.576.446.070.585	1.452.629.065.989

Tp. Biên Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Phạm Thị Hà
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 1	44.081.767.587	45.524.771.450
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 1	44.081.767.587	45.524.771.450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	25.771.586.550	27.042.678.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.310.181.037	18.482.092.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	461.931.440	377.147.771
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI. 4	12.842.067.651	12.507.321.969
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.930.044.826	6.351.918.341
11. Thu nhập khác	31	VI. 5	336.170.735	845.419.947
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		336.170.735	845.419.947
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.266.215.561	7.197.338.288
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 6	1.256.061.912	1.439.467.658
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.010.153.649	5.757.870.630

Biên Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hà
Người lập biểu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.266.215.561	7.197.338.288
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V. 7	873.908.253	683.472.782
- Các khoản dự phòng	03		(73.917.737)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(478.295.076)	(400.525.044)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.587.911.001	7.480.286.026
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(657.820.263)	(43.963.400.987)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(19.360.553.835)	46.432.031.373
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		22.094.657	173.182.717
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(910.000.000)	(2.583.781.737)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	18.020.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.018.553.299)	(2.965.785.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.336.921.739)	4.590.551.729
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(118.206.092.607)	(323.834.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.363.636	23.377.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		461.931.440	377.147.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(117.727.797.531)	76.691.044

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		143.349.312.334	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.740.249.262)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		143.349.312.334	(1.740.249.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.284.593.064	2.926.993.511
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V. 1	41.979.298.301	39.052.304.790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V. 1	50.263.891.365	41.979.298.301

Tp. Biên Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hà
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuộc sở hữu 100% vốn nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Quản lý và khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi: cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt.
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi. Xây dựng công trình thủy lợi.
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Bán buôn xe máy.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy. Chi tiết: Bảo dưỡng xe máy.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Bán buôn phụ tùng xe máy.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Bán buôn phụ tùng, vật tư, phụ kiện máy móc ngành nông nghiệp.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Dịch vụ du lịch sinh thái.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi. Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài Chính trong việc lập báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2016 và áp dụng từ năm tài chính 2016. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Các tài sản sau đây của Công ty không phải trích khấu hao theo Quy định tại Điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 như sau:

- Tài sản cố định là máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ đập, kênh, mương).

Máy bơm nước từ 8.000 m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình mua sắm, xây dựng, lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Chi phí trích trước

Chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và do doanh nghiệp tự bổ sung.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Quý của Công ty và nộp cho cơ quan cấp trên theo quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật sau khi có quyết định của Chủ sở hữu.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền mặt tại quỹ	97.162.826	347.773.473
Tiền gửi ngân hàng	50.166.728.539	41.631.524.828
Cộng	50.263.891.365	41.979.298.301

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	31/12/2022
Công ty Hưng nghiệp Formosa	428.282.814	381.524.655
Công ty cổ phần Hữu hạn VeDan Việt Nam	591.162.300	529.888.500
Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Đồng Nai	562.995.090	470.959.650
Công ty cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới	1.530.046.665	1.357.246.800
Ban Quản Lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tp. Hồ Chí Minh	112.336.700	112.336.700
Các khách hàng khác	36.932.775	62.883.375
Cộng	3.261.756.344	2.914.839.680

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Công ty TNHH Xây lắp Trường An	12.321.000.000	8.850.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Định Quán	1.092.409.000	12.604.010.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tân Phú	-	31.266.979.800
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Xây dựng Đồng Nai	33.969.069.300	9.401.355.000
Công ty cổ phần Xây dựng số 5	15.925.547.074	27.587.482.000
Công ty TNHH Sản xuất - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Thiên Phước	1.480.621.000	2.880.609.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Nam Thành	676.486.800	247.486.800
Công ty TNHH Một thành viên Thịnh Toàn Phúc	443.055.000	443.055.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phương Bắc	726.304.000	-
Công ty cổ phần Công nghệ sinh Thái Việt	586.000.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	365.590.000	-
Các nhà cung cấp khác	351.758.200	281.747.937
Cộng	67.937.840.374	93.562.725.537

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	31/12/2022
Các khoản Bảo hiểm xã hội nộp thừa	2.628.672	20.928.283
Tạm ứng nhân viên	32.032.000	10.900.000
Lợi nhuận nộp trước vào ngân sách nhà nước	780.092.559	1.500.000.000
Cộng	814.753.231	1.531.828.283

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Công cụ, dụng cụ	326.423.475	348.518.132
Cộng	326.423.475	348.518.132

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2023	31/12/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	329.673.365
Thuế thu nhập cá nhân	108.015.733	435.351.532
Cộng	108.015.733	765.024.897

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2023	1.124.870.675.277	3.867.562.107	1.337.627.500	475.211.100	1.130.551.075.984
Tăng trong năm	-	-	-	1.833.003.200	1.833.003.200
Thanh lý	(3.963.304.929)	-	-	(48.000.000)	(4.011.304.929)
Tại 31/12/2023	1.120.907.370.348	3.867.562.107	1.337.627.500	2.260.214.300	1.128.372.774.255
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2023	7.704.265.980	1.449.663.226	940.007.252	333.506.921	10.427.443.379
Khấu hao trong năm	249.110.428	327.178.864	131.706.752	165.912.209	873.908.253
Thanh lý	-	-	-	(48.000.000)	(48.000.000)
Tại 31/12/2023	7.953.376.408	1.776.842.090	1.071.714.004	451.419.130	11.253.351.632
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2023	1.117.166.409.297	2.417.898.881	397.620.248	141.704.179	1.120.123.632.605
Tại 31/12/2023	1.112.953.993.940	2.090.720.017	265.913.496	1.808.795.170	1.117.119.422.623

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại 31/12/2023
- Trạm Bơm Đắc Lua	32.018.021.181	67.215.631.000	-	99.233.652.181
- Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	152.025.892.110	40.853.492.661	-	192.879.384.771
- Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	1.574.553.000	2.428.438.000	-	4.002.991.000
- Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	1.322.262.000	164.106.000	-	1.486.368.000
- Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	2.060.000.000	3.503.578.182	-	5.563.578.182
- Nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+500, huyện Nhơn Trạch	2.476.388.000	30.634.225.306	-	33.110.613.306
- Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Cầu Mới tuyệt VI	-	1.047.318.000	1.047.318.000	-
- Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Gia Ui- huyện Xuân Lộc	-	785.685.200	785.685.200	-
- Xây dựng mới đập dâng Long An, huyện Long Thành	-	337.380.000	-	337.380.000
Cộng	191.477.116.291	146.969.854.349	1.833.003.200	336.613.967.440

9. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Công ty cổ phần Chế Tạo Bơm Hải Dương	2.507.760.000	2.507.760.000
Công ty TNHH Xây Lắp Trường An	1.530.897.715	-
Công ty TNHH Xây dựng Khánh Hùng	616.764.650	223.213.000
Công ty cổ phần Kỹ Thuật Môi Trường Gia Định	616.137.200	-
Trung tâm khoa học và Triển khai Kỹ Thuật Thủy Lợi	598.111.000	-
Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi Việt Nam - CTCP	527.435.400	350.118.400
Công ty cổ phần - Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai 2	362.608.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Phúc An Khang	338.514.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Thương mại Dịch Đức An	337.321.000	-
Công ty TNHH Công nghệ và Xây dựng Sinh a	316.823.454	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đo đạc Đại Thành	279.123.005	361.044.939
Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung	248.665.000	327.965.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tân Phú Thạnh	190.541.000	377.484.000
Công ty TNHH Hùng Huy Quyền	150.078.523	74.267.959
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoàng Tuyên Phát	141.262.669	141.262.669
Viện Khoa học Thủy Lợi Miền Trung và Tây Nguyên	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	587.201.838	1.947.251.908
Cộng	9.449.244.454	6.310.367.875

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2023	31/12/2022
Thuế GTGT hàng bán nội địa	167.204.891	9.302.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.388.547	-
Thuế tài nguyên	230.545.080	-
Cộng	414.138.518	9.302.542

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	31/12/2022	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2023
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.302.542	1.945.996.552	1.788.094.203	167.204.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(329.673.365)	1.256.061.912	910.000.000	16.388.547
Thuế thu nhập cá nhân	(435.351.532)	1.331.890.099	1.004.554.300	(108.015.733)
Thuế tài nguyên	-	2.444.008.920	2.213.463.840	230.545.080
Thuế nhà đất	-	46.097.100	46.097.100	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng (*)	(755.722.355)	7.027.054.583	5.965.209.443	306.122.785

(*) Trong đó:

Số nộp thừa	765.024.897	108.015.733
Số còn phải nộp	9.302.542	414.138.518

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước công nghiệp và sinh hoạt	5%
- Hoạt động khác	8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.13 và thuyết minh VI.6

Thuế tài nguyên

- Hoạt động cung cấp nước thô	1% - 3%
-------------------------------	---------

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Chi phí phải trả ngắn hạn	85.239.242	46.046.580
Cộng	85.239.242	46.046.580

12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Doanh thu dịch vụ chưa thực hiện ngắn hạn	81.220.740	-
Cộng	81.220.740	-

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	31/12/2022
Trạm bơm Đắc Lua	11.776.663.097	41.358.876.600
Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	18.498.577.074	43.072.101.000
Nâng cấp mặt đê Ô Kèo đoạn từ K+000 đến K7+500	129.240.000	8.979.240.000
Cải tạo sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Bom	10.819.118.300	-
Cải tạo, sửa chữa hồ Gai Ui, H. Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	833.632.000	-
Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, H. Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	31.521.600.000	-
Xây dựng mới đập dâng Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	74.900.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	78.500.000	78.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.025.222.924	1.025.882.924
Thuế TNCN	-	7.914.092
Cộng	74.757.453.395	94.522.514.616

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tình hình biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người Quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2023	3.715.081.002	1.136.114.829	621.045.647	5.472.241.478
Trích lập trong năm	2.340.750.000	780.250.000	369.600.000	3.490.600.000
Chi trong năm	(1.936.104.589)	(674.510.000)	(407.938.710)	(3.018.553.299)
Tại ngày 31/12/2023	4.119.726.413	1.241.854.829	582.706.937	5.944.288.179

15. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Donasa	178.500.000	308.583.000
Công ty cổ phần Tiếp Vận Hàng Hải Sao Mai	6.013.691.989	6.164.663.336
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	83.183.000	105.267.284
Cộng	6.275.374.989	6.578.513.620

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

16. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2022	759.194.656.667	4.058.473.389	501.938.586.991	1.740.249.262	1.266.931.966.309
Tăng vốn đầu tư chủ sở hữu	378.596.510.000	-	-	-	378.596.510.000
Tăng khác	-	1.727.361.189	-	-	1.727.361.189
Nộp NS	-	-	-	(1.740.249.262)	(1.740.249.262)
Lợi nhuận	-	-	-	(5.037.963.189)	(5.037.963.189)
Trích các quỹ	-	-	-	(5.037.963.189)	(5.037.963.189)
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	5.757.870.630	5.757.870.630
Ngân sách cấp quyết toán Dự án	-	-	(313.153.806.700)	-	(313.153.806.700)
Tại ngày 31/12/2022	1.137.791.166.667	5.785.834.578	188.784.780.291	719.907.441	1.333.081.688.977
Tại ngày 01/01/2023	1.137.791.166.667	5.785.834.578	188.784.780.291	719.907.441	1.333.081.688.977
Thanh lý TSCĐ từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	(3.963.304.929)	-	-	-	(3.963.304.929)
Kết chuyển LNST còn lại sau khi trích các quỹ năm 2022	-	-	-	(719.907.441)	(719.907.441)
LNST năm 2023	-	-	-	5.010.153.649	5.010.153.649
Trích lập các quỹ	-	1.503.046.095	-	(4.993.646.095)	(3.490.600.000)
Ngân sách cấp Đầu tư Xây dựng Dự án	-	-	143.349.312.334	-	143.349.312.334
Tại ngày 31/12/2023	1.133.827.861.738	7.288.880.673	332.134.092.625	16.507.554	1.473.267.342.590

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng doanh thu	44.081.767.587	45.524.771.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	44.081.767.587	45.524.771.450
Trong đó:		
Doanh thu (hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác)	36.825.807.587	35.089.481.534
Doanh thu hoạt động kinh doanh	255.960.000	462.022.916
Doanh thu (NSNN hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)	7.000.000.000	7.000.000.000
Doanh thu (NSNN cấp kiểm định an toàn các công trình)	-	2.973.267.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	25.533.626.550	23.631.771.911
Giá vốn hoạt động kinh doanh	237.960.000	437.640.000
Giá vốn hoạt động kiểm định an toàn các công trình	-	2.973.267.000
Cộng	25.771.586.550	27.042.678.911

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi ngân hàng	121.931.440	77.147.771
Thu từ hoạt động hợp tác liên doanh	340.000.000	300.000.000
Cộng	461.931.440	377.147.771

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	9.288.896.853	8.584.137.613
Chi phí vật liệu quản lý	743.410.185	651.770.865
Chi phí đồ dùng văn phòng	612.580.749	758.521.210
Chi phí khấu hao TSCĐ	384.919.488	286.752.729
Thuế, phí và lệ phí	81.533.199	83.799.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	789.545.452	702.328.623
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	941.181.725	1.440.011.431
Cộng	12.842.067.651	12.507.321.969

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI ĐỒNG NAI**

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

5. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thu thanh lý tài sản	16.363.636	23.377.273
Thu cấp quyền khai thác nước	287.004.827	819.622.424
Thu cho thuê mặt bằng	32.727.272	-
Thu nhập khác	75.000	2.420.250
Cộng	336.170.735	845.419.947

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty được ước tính như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.266.215.561	7.197.338.288
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	14.094.000	-
Chi phí không được trừ	14.094.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.280.309.561	7.197.338.288
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông	1.256.061.912	1.439.467.658
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.256.061.912	1.439.467.658

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ với bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Chủ sở hữu
Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương	2.956.800.000	2.664.816.000

2. Nợ tiềm tàng và các cam kết

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Số 126, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc,
phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Biên Hòa, ngày 08 tháng 03 năm 2024



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

Amal

Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng

Umu

Phạm Thị Hà
Người lập biểu

Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG NĂM 2023

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)

(Biểu mẫu theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	-	73.917.737
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)		
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)		
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			(1.100.463.382)	3.033.745.807
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	1.143.000.000.000	1.143.000.000.000
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	9.314.828.293	6.528.096.288



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	9.298.320.739	5.808.188.847
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	16.507.554	719.907.441
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	8.563.811.398	5.369.622.579
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)		2.460.156.703
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	(349.446.487)	-1.100.463.382
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	12.484.000.000	11.910.000.000
13. Số lao động bình quân (người)		P (người)	105	105
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	118.895.238	113.428.571

Ghi chú:

Báo cáo này nằm ngoài báo cáo tài chính của đơn vị. Doanh nghiệp căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách kế toán để nhập số liệu vào mẫu biểu.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 03 năm 2024

Công Ty TNHH Một thành viên Khai Thác Công Trình Thủy

Lợi Đồng Nai



GIÁM ĐỐC
Đường Xuân Sơn

